

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH.**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 72/2017/HS-ST.

Ngày: 21-12-2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Nhung

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên

Thư ký phiên tòa: bà Hà Như Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Phú T; tên gọi khác: Út, sinh ngày 20/11/1999, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Hội Thạnh, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú hiện nay: Ấp Hội Thạnh, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 3/12. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Trương Thị G, Anh, chị ruột: có 07 người. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 01-11-2017 đến nay; bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Minh Tuấn thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thùy Nh, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp B M, xã A T, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị G, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 519, tổ 5, ấp HT, xã T H, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/6/2017, **Nguyễn Văn Phú T** làm phụ hồ cho công trình tại Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng thuộc khu phố Lộc An, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, thấy chị Nguyễn Thị Thùy Nh, sinh năm 1986, ngụ ấp Bàu Mây, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Attila, biển số 66F1-188.78 đến trụ sở Ban Dân vận Huyện ủy Trảng Bàng và dựng xe bên hông phòng làm việc; Thấy chị Nh mở cốp xe lấy tiền trong ví và bỏ lại ví trong cốp xe nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản, quan sát xung quanh thấy không có người qua lại, T lén lút đến nơi chị Nh dựng xe, dùng tay kéo yên xe lấy chiếc ví thấy có số tiền 18.000.000 đồng, T lấy tiền bỏ vào túi rồi ném ví cạnh nơi dựng xe sau đó bỏ trốn. Đến ngày 29/10/2017, cơ quan điều tra mời T làm việc, T thừa nhận toàn bộ sự việc như nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 79/QĐ-KSĐT ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố **Nguyễn Văn Phú T** về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, 69,74 Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Phú T** phạm tội trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo T mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 18.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị G trình bày: T là con út của bà, việc T trộm cắp tài sản bà không biết, hiện hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nhưng bà đồng ý cùng bị cáo T bồi thường cho bị hại số tiền mà T đã trộm.

Luật sư Trần Minh Tuấn trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo T như Kiểm sát viên vừa nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Lúc phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên đề nghị áp dụng theo quy định tại Điều 69,74 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo rất hối hận về hành vi của bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/6/2017, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tiền 18.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thùy Nh, tại khu vực khu phố Lộc An, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án cho thấy, bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo **Nguyễn Văn Phú T** phạm tội “trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3] Mặc dù vụ án mang tính chất **ít nghiêm trọng**. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, **gây ảnh hưởng xấu đến tình hình** trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, nên cần nghiêm trị mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, lúc phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 69, 74 Bộ luật hình sự theo đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 586, 589 Bộ Luật dân sự;

Bị cáo **Nguyễn Văn Phú T** phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thùy Nh số tiền 18.000.000 đồng; nếu bị cáo T bồi thường không đủ thì bà Trương Thị G (mẹ bị cáo T) phải bồi thường phần còn thiếu.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 ví da màu đen, kích thước (20 x 10) cm; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm, 01 thẻ siêu thị mang tên Nguyễn Thị Thùy

Nh. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Nh xong.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Phú T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Phú T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, 74 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Phú T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01-11- 2017.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 586, 589 Bộ Luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Phú T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thủy Nh số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng; nếu bị cáo T bồi thường không đủ thì bà Trương Thị G (mẹ bị cáo T) phải bồi thường phần còn thiếu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Phú T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, hai khoản án phí bị cáo phải chịu là 1.100.000 đồng.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nhiên vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- VKS Trảng Bàng;
- Công an Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm